TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Việt

Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị D, sinh năm 1981(có yêu cầu vắng mặt)

Căn cước công dân số 096181001115

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã TP, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Châu Tài T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 096076000841

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã TP, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2025 bà Trương Thị D trình bày:*

Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay là xã TP, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/6/2010. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống hôn nhân

không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông T.

Thời gian chung sống bà D và ông T có con chung tên Châu Phúc M, sinh ngày 07/9/2005; Châu Mũi TT, sinh ngày 25/3/2010 và Châu Phước K, sinh ngày 16/02/2016. Khi ly hôn bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung tên Mũi TT và Phước K nhưng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên bà D không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Tài T. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã TP (xã T cũ), tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà D và vắng mặt tại lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nay là xã TP, tỉnh Cà Mau vào ngày 28/6/2010. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà D và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Vì vậy bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà D

có yêu cầu xin vắng mặt, ông T vắng mặt khi hoà giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Trương Thị D và ông Châu Tài T được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Châu Phúc M, sinh ngày 07/9/2005 (giới tính nam); Châu Mũi TT, sinh ngày 25/3/2010 (giới tính nữ) và Châu Phước K, sinh ngày 16/02/2016 (giới tính nam). Xét thấy bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu TT và cháu K là có cơ sở. Bởi vì hiện tại hai cháu do bà D trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Mặt khác cháu TT và cháu K đã trên 07 tuổi nên yêu cầu ngày 17/11/2025 của cháu TT và cháu K có nguyện vọng được sống chung với bà D là phù hợp. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu TT và cháu K cho bà D nuôi dạy. Riêng Phúc M đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy bà D không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Bà Trương Thị D và ông Châu Tài T được ly hôn.

2.Về con chung: Ông Châu Tài T có nghĩa vụ tiếp tục giao con chung tên Châu Mũi TT, sinh ngày 25/3/2010 (giới tính nữ) và Châu Phước K, sinh ngày 16/02/2016 (giới tính nam) cho bà Trương Thị D tiếp tục nuôi dạy. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai có quyền cản trở.

3.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị D phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025 bà D có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004801 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Việt – Hồ Lệ Hoa **Nguyễn Kiều Trang**